

PHONG TRÀO DUY-TÂN

Thế kỷ thứ 19 là thế kỷ của thay đổi. Đối với Việt-Nam, thay đổi lớn lao nhất là ảnh hưởng sâu xa của Tây-phương vào trong mọi phương diện của xã hội Việt-Nam. Chúng ta thử tìm hiểu làm sao Tây-phương có thể ảnh hưởng đến Việt-Nam được và ảnh hưởng như thế nào.

Khoảng giữa thế kỷ thứ 19, khi người Pháp chưa đặt chân đến Việt-Nam, giới phản đối nền văn hóa Tây-phương mạnh mẽ nhất là giới sĩ-phu nho-học. Chúng ta còn nhớ thời vua Dục-tông (triều Tự-đức), vua phái người đi du học bên Âu-châu để điều tra những sự tiến bộ về khoa học kỹ thuật, về máy móc và các sự sáng chế phát minh hiện đại của Tây-phương.

Lúc bấy giờ, có Nguyễn Trường Tộ (1830-1871), xuất thân từ một gia đình nho-học. Ông học chữ Hán từ nhỏ. Ông theo đạo Thiên-Chúa nên được nhà dòng Tân-Áp mời ông làm thầy giáo dạy chữ Hán. Ông được Giám-mục Gauthier dạy chữ Pháp và các môn khoa học phổ thông. Năm 1860, ông theo Giám-mục Gauthier qua Pháp học. Năm 1863, ông về nước giữa lúc người Pháp đang đánh chiếm miền Nam. Xét tình thế trong nước lúc ấy, đem so sánh với tình thế các nước bên ngoài, ông dâng lên vua nhiều bản điều trần để giúp đối phó với sự xâm lấn của các cường quốc Tây-phương như Pháp, và đồng thời đề nghị những cải cách làm cho dân giàu nước mạnh.

Sau đó có Đinh Văn Điền (1868) dâng tờ điều-trần đề nghị việc lập dinh-điền, khai mỏ vàng, làm xe lửa, mời người Tây-phương sang dạy người trong nước, liên kết với nước Anh, v.v...

Thượng-thư Bộ Hộ Phạm Phú Thứ đã từng đề nghị mở mang thương nghiệp trong nước và thông thương với nước ngoài.

Khoa-đạo Lê Đình đi sứ Hương-Cảng (1881) về tâu rằng:

“Các nước Tây-phương giàu mạnh chẳng qua nhờ việc buôn và việc binh mà thôi; dùng binh để giữ nghề buôn, dùng nghề buôn để nuôi binh, nên chính đốn việc thông thương là cần cấp hơn. Gần đây nước Nhật-bản bắt chước Tây-phương thông thương với mọi nước, nước Tàu cũng làm theo cách ấy dần dần cường thịnh được. Có kẻ nói sản vật nước ta vẫn nhiều (như vàng, bạc, than mỏ), người thông minh cũng đông, nếu cùng gắng sức mà làm thì việc giàu mạnh cũng chẳng khó, chỉ vì văn thơ phiền quá và việc làm hay câu nệ lắm thôi.”

Quan Hàn-lâm-viện tu-soạn Phan Liêm mật tâu các việc như mở thương-cuộc hợp vốn đi buôn, cho khai mỏ, cho người học ngoại ngữ và kỹ nghệ cơ xảo ngoại quốc.

Vua Dục-tông khi ấy vừa phải đối phó với sự xâm lăng của Pháp và lo thương thuyết, vừa cải tổ một số việc trong nước: cho người dịch sách Pháp để dạy học trò, nhờ Giám-mục Hậu (Gauthier) cùng Nguyễn Trường Tộ và Nguyễn Điều qua Pháp thuê thợ và mua máy móc (1866), cho tìm người chế đạn, biết sửa máy tàu, chế máy cưa, biết nấu đồng đúc súng để vào làm bộ Binh theo lời đề nghị của đình thần (1869).

Ngoài ra vua Dục-tông đã thực hiện những việc sau đây trong giai đoạn khó khăn của đất nước:

- xét cử người hiền tài (1871), chia làm tám hạng về 1/đức hạnh, 2/tài trí, 3/chính trị, 4/quân sự, 5/ngoại giao, 6/tài chính, 7/văn học, 8/kỹ thuật, tiểu công nghệ, thuốc, thiên văn, lịch, bói toán
- khiến các đại-thần tìm kiếm người có học thức tài trí, hiểu tình thế, biết chữ và tiếng ngoại quốc (1873)
- cử Thượng-thư bộ Hộ Phạm Phú Thứ lo việc buôn bán với nước ngoài: Pháp và Trung-Hoa (1874)
- thông lục các điều khoản nghị định về việc cho đi du học nghề và ngoại ngữ: con em các quan khoảng tuổi hai mươi, ai muốn đi Hương-cảng hoặc Pháp học, được cấp lộ-phí, cho phép đi học trong năm năm, đi học về được bổ tú-tài, cử-nhân.
- khiến nguyên Khâm-phái qua Pháp đầu xảo là Nguyễn Thành Ý đem học sinh qua trường Cơ-khí ở Toulon (Pháp, 1879), cho 12 học sinh theo Thị-lang Bộ Lễ Phạm Bính sang Hương-Cảng học trường nước Anh (1881), khiến Cửu-phẩm Y-sanh Nguyễn Văn Tâm qua Hương-Cảng học phép chủng đậu (1882).
- Ai muốn học chữ Pháp và kỹ thuật Pháp đưa đơn đệ trình lên vua.
- cho in các sách Pháp để bán cho học trò: Bác-vật tân-biên, Vạn-quốc công-pháp, Hàng-hải kim-châm, Khai-môi yếu-pháp (1879)

Khi sứ-bộ Phan Sĩ Thuộc ở Trung-Hoa về (1874), vua Dục-tông hỏi việc Trung-Hoa đối xử với các nước Tây-phương như thế nào, hỏi về chính sự các vua nhà Thanh hay hay dở, về phản ứng của các quan, v.v...

Về triều Thành-thái (1889-1907), có ông Nguyễn Lộ Trạch dâng lên vua *Thời-vụ sách thượng*, *Thời-vụ sách hạ* và *Thiên-hạ đại-thế luận* (1892) đề nghị những sự cải cách về nhiều phương diện mà quan trọng nhất là đặt một nền giáo dục lấy *chính-đạo* và *khoa-học kỹ-thuật* để đào tạo nhân tài.

Tuy nhiên, những bài điều-trần và các sự cải cách này vẫn chưa được nhiều người biết đến.

Các sĩ-phu chống đối Pháp

Trong khoảng hai mươi năm đầu sau khi người Pháp chiếm Việt-Nam (ở Nam-kỳ là từ 1860 đến 1880, ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ là từ 1880 đến 1900), nơi nơi đều có người nổi lên chống Pháp. Không những sĩ-phu chống đối sự cai trị của người Pháp một cách công nhiên bằng võ lực, họ còn phản đối về tinh thần và không ưa thích cái gì của Tây. Nhóm phản đối mạnh mẽ nhất là Văn-thân: hễ ai theo Tây hay theo đạo Thiên-chúa bị họ coi là phản quốc vì họ cho người Pháp là “giống xâm lược”.

Có trường hợp đặc biệt là Tôn Thọ Tường (1825-1877). Tôn Thọ Tường là người giỏi thơ văn nhưng rớt kỳ thi hương. Khi người Pháp chiếm ba tỉnh miền đông Nam-kỳ (1862), Tôn Thọ Tường ra giúp việc cho “tân trào”, vì thế Tôn Thọ Tường bị nho-sĩ Nam-kỳ khinh rẻ. Tường làm nhiều bài thơ mượn nhân vật trong sử truyện để biện bạch lòng mình, khiến gây nên cuộc bút chiến với một nhà nho khác là Phan Văn Trị. Phan Văn Trị, đứng trong nhóm bất hợp tác với

Pháp, đã phản đối Tôn Thọ Tường bằng mười bài thơ liên-hoàn để bày tỏ lập trường bất khuất của giới sĩ-phu.

Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), tác giả truyện thơ *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ Hà Mậu*, *Ngư tiều vãn đáp*, là một nho-sĩ danh tiếng ở Nam-kỳ. Ông về phe nghĩa quân chống Pháp, ngầm giúp Trương Công Định. Nguyễn Đình Chiểu từ chối không nhận bổng lộc của chính phủ Pháp và để lại hậu thế nhiều thơ văn khóc hờn mất nước (*Té sĩ-dân lục-tinh*, *Té nghĩa-sĩ Cần-giוע*, *Té Trương Định*).

Nguyễn Hữu Huân (thủ-khoa Huân) lập chiến khu ở Đồng Tháp Mười để kháng Pháp, sau bị bắt và bị đày đi Côn-Lôn. Năm 1874, thủ-khoa Huân được tha về, lại tổ chức nghĩa-quân chống Pháp. Lần này, ông bị bắt và bị xử tử tại Định-Tường.

Ở Trung-kỳ, phó-bãng Nguyễn Hiệu chiêu mộ quân đánh Pháp ở Quảng-Nam, cử-nhân Mai Xuân Thưởng chống Pháp ở các tỉnh Bình- Định, Phú-Yên, Ninh-Thuận, Bình-Thuận.

Ở Bắc-kỳ, cử-nhân Nguyễn Thiện Thuật chỉ huy phong trào Cần-vương chống Pháp tại chiến khu Bãi Sậy (Hải-Dương) trong thời gian 1887-1889. Về sau thất bại, phải sang Quảng-Châu (Trung-Hoa) và mất ở đây.

Đình-nguyên tiến-sĩ Phan Đình Phùng cùng với Cao Thắng làm khí giới chống Pháp từ năm 1885 cho đến khi mất năm 1895.

Sự chống đối người Pháp sâu xa lắm, không chỉ ở quân sự mà còn ở văn hóa. Lúc bấy giờ những người muốn học văn tiếng Việt (mà người mình lúc ấy cho là do văn Tây mà ra) cũng phải học một cách lén lút, như trường hợp Nguyễn Bá Học (1857-1921). Ông thú nhận là vào thời của ông, mỗi lần mở quyển sách học văn ông phải học lén không dám để ai biết.

Khi trường học chính phủ thuộc địa mới mở, chỉ có con nhà nghèo mới đi học. Trường hợp Diệp Văn Cương, khi còn nhỏ đi chăn bò, sau đó được người chủ mượn để đi học thay cho con của chủ. Diệp Văn Cương sau đó qua Alger học, thành tài trở về, làm thầy dạy tiếng Pháp cho vua Đồng-khánh thay cho Trương Vĩnh Ký. Diệp Văn Cương được giữ địa vị trọng yếu thời Toàn-quyền De Lanessan, lo việc ngoại giao cho triều đình Huế nên biết nhiều việc về quan hệ ngoại giao của hai chính phủ Việt và Pháp.

Như thế, chúng ta thấy vào hậu bán thế kỷ thứ 19, dưới triều nhà Nguyễn giới sĩ-phu là những người hơn ai hết bám chặt vào nền văn hóa truyền thống mà họ đã được đào tạo. Những người Việt-Nam đầu tiên có liên hệ với người Pháp là giới thông-ngôn. Họ là trung gian giữa quan Pháp và dân Việt bản xứ.

Giới sĩ-phu thức tỉnh

Tuy nhiên, ở Trung-Hoa, trận chiến Hoa-Nhật (1894-1895) đã giúp cho giới trí thức Trung-Hoa phải thức tỉnh từ những truyền thống lâu đời cả ngàn năm. Họ cảm thấy đã đến lúc phải thay đổi theo thời đại mới. Họ bắt tay vào việc dịch các sách Nhật và Âu Tây để truyền bá cho người đồng hương kiến thức khoa học và những tư tưởng Tây-phương. Một số lớn các sách vở này đã được du nhập vào Việt-Nam và gây ra một cuộc cách mạng về tinh thần.

Phong trào cải cách này, đứng đầu là hai nhà học giả Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu, có ảnh hưởng lớn đến sự tiến hóa tư tưởng khắp vùng Viễn- Đông. Những sách như *Cuộc du*

hành trong 11 xứ Âu châu của Khang Hữu Vi và *Ấm-băng tập* của Lương Khải Siêu trở thành sách gối đầu giường của giới nho-sĩ cựu-học. Các nhà nho Việt-Nam thời này đã chịu ảnh hưởng của Rousseau, Voltaire, Montesquieu, Diderot và các văn sĩ thế kỷ thứ 18 qua các sách dịch của Trung-Hoa.

Chính lúc đó, chiến tranh Nga-Nhật (1904-1905) bùng nổ mà kết quả là Nhật chiến thắng Nga.

Sĩ-phu Việt-Nam hướng về Trung-Hoa và Nhật-Bản để tìm kiếm kiến thức mới. Các sĩ-phu nho-học khi trước chống đối văn hóa Tây-phương kịch liệt, nay trở thành sĩ-phu duy-tân hăng hái đòi hỏi Âu-hóa xã hội Việt-Nam.

Sĩ-phu nho-học là những người được đào tạo và chịu ảnh hưởng của cựu học. Họ lại là những người chứng kiến sự thất bại của cựu học đối với sự thắng thế của khoa học Tây-phương. Họ cảm thấy cựu-học không còn có ích. Nhưng họ không thể quên căn bản văn hóa truyền thống dân tộc mà sau này họ sẽ dùng để phản kháng lại những sự quá đà của nền văn hóa Tây-phương. Do đó, chúng ta có thể hiểu tại sao những sĩ-phu đòi hỏi duy-tân nhiều nhất đồng thời cũng là những người muốn bảo tồn văn hóa dân tộc hơn ai hết.

Các sĩ-phu duy-tân và mục đích mới

Phải đợi đến lớp sĩ-phu như Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thượng Hiền, Lương Văn Can, v.v... là những người có học nhưng lại đọc tân-thư, có chân khoa-mục nhưng không ra làm quan, được bổ làm quan rồi treo ấn từ quan, thì dân chúng mới biết đến những vận động cải cách cho Việt-Nam. Chính họ đã đem luồng gió duy-tân thổi vào trong xã hội im lìm, chịu đựng, bất biến ấy.

Trong số các sĩ-phu duy-tân có ảnh hưởng đến dân chúng nhiều hơn cả là: Trần Quý Cáp, Phan Chu Trinh và Phan Bội Châu.

• Trần Quý Cáp (1876-1909)

Ông người Quảng-Nam, hiệu là Thái-Xuyên, đỗ tiến-sĩ (1904).

Năm 1907, trong lúc làm giáo-thụ phủ Thăng-bình, ông mời người đến dạy chữ Pháp cho học trò, diễn thuyết trong dân gian về cái hại của khoa cử và đề xướng tân-học. Năm 1908, ông bị kết tội xúi dân xin giảm sưu, nên ông bị bắt và bị xử tử.

Khi ra dạy học, ông làm bài *Chiêu Hồn Nước*, cốt chỉ bảo cho người đi học biết cách học như sau:

- học cho đúng thì mới phát triển được trí khôn
- dùng quốc-ngữ để học
- dịch sách Tây và Tàu ra quốc-ngữ
- sau khi học, chỉ dẫn cho người khác
- đào luyện tư cách

Ông cho rằng có học thì mới khôn, có khôn thì mới tiến đạt đến văn minh.

- **Phan Chu Trinh (1872-1926)**

Ông người Quảng-Nam, hiệu là Tây-Hồ.

Năm 14 tuổi, ông theo thân phụ gia nhập phong trào Văn-thân và Cần-vương. Năm 16 tuổi, thân phụ bị hại, ông về nhà học tiếp nhờ sự giúp đỡ của anh. Năm 1900, ông đỗ cử-nhân, năm sau, đỗ phó-bảng. Lúc này, vì anh cả mất, ông về nhà chịu tang và ở nhà dạy học.

Năm 1903, ông được bổ thừa-biện bộ Lễ ở kinh đô. Năm sau, ông từ quan. Cũng trong năm này, ông kết giao với Phan Bội Châu.

Năm 1905, ông cùng với Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng vào nam vận động chính trị. Đến Bình-định gặp kỳ thi, cả ba ông vào thi, lấy đề thi *Chí-thành thông-thánh* làm thơ để bày tỏ ý kiến về thời thế.

Năm 1906, ông tiếp xúc với Đê Thám, sang Trung-Hoa rồi sang Nhật, và viết thư gửi chính phủ Pháp yêu cầu cải cách. Năm 1907, ông đến Hà-Nội, diễn thuyết ở Đông-kinh Nghĩa-thục, cổ động duy-tân và tự-lập.

Khi xảy ra việc Trung-kỳ dân-biến (1908), Phan Chu Trinh bị bắt từ Hà-Nội về Huế và bị kết án tử hình. Nhưng nhờ Hội Nhân-Quyền Pháp can thiệp, ông bị đày đi Côn-Đào.

Năm 1910, ông được tha về Mỹ-Tho. Năm sau, ông xin đi Pháp học. Nhân dịp này ông quan sát và vận động chính trị. Khi thế-chiến bùng nổ, ông bị giam trong ngục Santé chín tháng. Năm 1916, ông được trả tự do.

Khi nghe tin vua Khải-định sang Pháp năm 1922, ông gửi thư đàn hặc việc vua đi Pháp.

Năm 1925, ông về nước và đi diễn thuyết.

Năm 1926, ông mất tại Sài-Gòn, được đồng bào toàn quốc làm lễ truy điệu rất long trọng.

Chủ trương của Phan Chu Trinh gồm những điểm sau đây:

- cổ động sự học trong dân gian : ông khuyên mọi người trong nước hãy lo học để tăng dân trí chứ không nên bạo động.

“ Quốc dân đồng bào ơi ! Chớ nên ỷ lại nơi người, ỷ lại nơi người tât ngu. Chớ nên ỷ mình mà bạo động, bạo động tât hại. Quốc dân đồng bào ơi ! Chi bằng học.”

- bỏ khoa cử từ chương : đối với ông, một sự học mà không còn giúp được nước, không còn ích cho dân, chỉ đào tạo những con người thiên cận, hủ lậu, không có tư cách đạo đức, sự học ấy tât đã lỗi thời. Ông khuyên kẻ sĩ nên bỏ cái học từ chương, chỉ có hư danh chứ không giúp chống lại cường quyền.

- thành lập học hội dân đoàn : ông cho rằng mình không nên trông chờ người ngoài mà nên đoàn kết để tự lo lấy cho nhau.

- nương theo người Pháp mà ‘tự lực khai hóa’ : ông cho rằng nước Pháp là nước văn minh đang bảo hộ Việt-Nam, dân ta nên theo chính sách của Pháp mà học những điều thực dụng, cốt để khai trí. Khi dân trí đã mở, trình độ dân ngày một cao, như vậy là giúp cho nền độc lập về sau.

- kêu gọi chính phủ Pháp mở rộng giáo dục : ông yêu cầu chính phủ đã mang danh bảo-hộ tât phải khai hóa cho dân chúng nước Nam để không còn sự chống đối chính phủ. Chính phủ nên ‘bỏ khoa cử, mở nhà học’, thay đổi chính sách cai trị.

• **Phan Bội Châu (1867-1940)**

Ông người Nghệ-An, hiệu là Sào-Nam.

Năm 1900, ông đỗ giải-nguyên nhưng không ra làm quan. Năm sau, ông cùng một số đồng-chí mưu chiếm Vinh vào ngày quốc khánh Pháp, nhưng việc không thành.

Năm 1904, ông viết *Luru-Câu huyết-lệ thư*.

Năm 1905, ông sang Nhật gặp Lương Khải Siêu, Khuyển Dưỡng Nghị. Năm này, ông viết *Việt-Nam Vong-quốc Sử*. Năm sau, ông viết *Hải-ngoại huyết-thư*.

Năm 1908, ông lập Việt-nam Công-hiến Hội, sau đó bị chính phủ Nhật trục xuất.

Năm 1912, ông cùng Cường Để và Nguyễn Thượng Hiền lập Việt-Nam Quang-phục Hội.

Vì vụ ném bom ở Hà-Nội, năm 1913, ông bị tử hình khiếm diện. Sau đó ông bị bắt giam ở Quảng-Châu, và được thả tự do khi Thế-chiến I xảy ra.

Năm 1925, ông bị bắt giải về Hà-Nội và bị kết án tử hình. Toàn dân đòi ân xá. Toàn-quyền Varenne cho ông về Huế và giam lỏng. Trong thời gian này, ông viết *Khổng-học-đăng, Chu-Dịch Quốc-văn diễn-giải*. Ông tử trần năm 1940.

Phan Bội Châu là người có tinh thần tiên bộ, đã đóng góp rất nhiều cho sự duy-tân đầu thế kỷ thứ 20. Ông luôn luôn khuyên mọi người nên học. Đối với ông, giáo dục có liên hệ mật thiết với chính trị và kinh tế. Ông từng nói: “*Giáo dục cũng là cái gốc để gây dựng nền chính trị*”(Tân Việt-Nam) và “*nếu không có học, thì không thể có một thứ kinh tế ưu việt được*” (*Dur ngu sám*).

Đầu thế kỷ thứ 20, trước khi người Pháp thực sự đặt chính sách giáo dục mới cho Việt-nam thì chiều hướng duy-tân về giáo dục của người Việt đã từ từ hình thành. Các sĩ-phu duy-tân đã phải tìm cách giải quyết để cứu giúp đất nước. Câu giải đáp là: **Học để mở mang dân trí**.

Vào thời điểm này, các sĩ-phu đã khởi xướng một nền tân-học với những tôn chỉ như sau:

- Duy-tân đất nước chính là mục đích của giáo dục
- Duy-tân đất nước là trách nhiệm của kẻ sĩ
- Giáo dục là nền tảng của chính trị và kinh tế
- Điều hòa khoa học với đạo học

Những biến cố xảy ra năm 1908 (*Trung-kỳ dân-biến*) và những năm kế tiếp là kết quả của phong trào duy-tân. Đông-kinh Nghĩa-thục ở Hà-Nội, biểu tượng của phong trào và là nơi tụ tập hầu hết các sĩ-phu duy-tân, bị đóng cửa khi phong trào duy-tân chuyển sang khuynh hướng bạo động.

Cũng nhờ phong trào duy-tân, chính phủ Beau mới chịu thay đổi học chế: lập hội đồng cải cách giáo dục, mở trường sư phạm để đào tạo giáo viên tiểu-học người Việt, mở cả một trường đại-học ở Hà-nội nhưng không lâu sau trường đóng cửa vì không đủ số người đến học.

Ngô Thị Quý Linh (2010)

Soạn lại và trích từ các tài liệu sau:

Lịch sử Việt Nam từ thuộc Pháp đến độc lập 1858-1945, Ngô Thị Quý Linh, Nhà Xuất Bản Ý Linh, 2002

Lược sử Triết lý Giáo dục Việt Nam, Ngô Thị Quý Linh, Nhà Xuất Bản Ý Linh, Hoa-Kỳ, 1997